**Phụ lục số 01**

**YÊU CẦU CỦA ASEAN VỀ GIỚI HẠN KIM LOẠI NẶNG, VI SINH VẬT VÀ TẠP CHẤT DẠNG VẾT TRONG SẢN PHẨM MỸ PHẨM**

*(Ban hành kèm theo Nghị định số /20 /NĐ-CP ngày tháng năm 20 của Chính phủ)*

**1. Giới hạn kim loại nặng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Giới hạn** |
| 1 | Thuỷ ngân | Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 1mg/l (1ppm) |
| 2 | Asen | Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 5mg/l (5ppm) |
| 3 | Chì | Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 20mg/l (20ppm) |
| 4 | Cadmi | Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 5mg/l (5ppm) |

**2. Giới hạn vi sinh vật**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **Chỉ tiêu** | **Giới hạn** |
| Sản phẩm dành cho trẻ em dưới 03 tuổi, sản phẩm tiếp xúc với vùng mắt hoặc niêm mạc | Sản phẩm khác |
| 1 | Tổng số vi sinh vật đếm được | =<500 đơn vị khuẩn lạc/1g hoặc 1ml mẫu thử | =<1000 đơn vị khuẩn lạc/1g hoặc 1ml mẫu thử |
| 2 | *P. aeruginosa* | Không được có trong 0,1g hoặc 0,1ml mẫu thử | Không được có trong 0,1g hoặc 0,1ml mẫu thử |
| 3 | *S. aureus* | Không được có trong 0,1g hoặc 0,1ml mẫu thử | Không được có trong 0,1g hoặc 0,1ml mẫu thử |
| 4 | *C. albicans* | Không được có trong 0,1g hoặc 0,1ml mẫu thử | Không được có trong 0,1g hoặc 0,1ml mẫu thử |

**3.** **Giới hạn tạp chất dạng vết**

|  |  |
| --- | --- |
| **Chỉ tiêu** | **Giới hạn** |
| 1,4-Dioxane | Nồng độ tối đa cho phép có trong sản phẩm mỹ phẩm là 10mg/kg hoặc 10mg/L (10ppm) |